TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 4 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Quý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Cường.
2. Bà Dương Thị Thu Hằng.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy (Số 06 Đặng Tràm, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2021/ TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 116/5 đường NL, phường Xuân P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Viết B1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 12 đường, phường TD, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2021, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị Nguyễn Thị B và anh Lê Viết B1 kết hôn tự nguyện, được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Chị B, anh B1 đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường TD, thị xã Hương Thủy ngày 24/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp tính nhau, anh B1 thường hay xúc phạm chị B, dẫn đến vợ chồng thường hay cải vã, sống không có hạnh phúc. Vì vậy anh B1 và chị B đã sống ly thân gần hai năm nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau, nay chị B thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Viết B1.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị B, anh Lê Viết B1 có 01 người con chung tên là Lê Viết Bảo T, sinh ngày 08/12/2012. Chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Viết Bảo T, cho đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh B1 phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của cháu T xin được ở với chị B.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Lê Viết B1: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh B1, quá thời hạn quy định mà anh B1 vẫn không gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiếp tục tống đạt các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B1 đều vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai, cũng như không hòa giải được, do vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Lê Viết B1; giao cháu Lê Viết Bảo T, sinh ngày 08/12/2012 cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Chị B không yêu cầu anh B1 cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh B1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, con không ai được cản trở; không xem xét về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản; chị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự.

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Viết B1 đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhiều lần nhưng anh B1 vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Viết B1.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Lê Viết B1, có nơi cư trú tại: Số 12 đường Dương Thiệu Tước, phường TD, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về hôn quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Lê Viết B1 sau khi tìm hiểu nhau đã tự nguyện kết hôn ngày 24/10/2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TD, thị xã Hương Thủy nên Hội đồng xét xử xác nhận đây là hôn

nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị B và anh B1 không hợp nhau, nên hai người sống ly thân khoảng hai năm nay. Thời gian ly thân quá lâu, không ai quan tâm gì đến nhau, bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh B1. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh B1 đến trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh B1 không đến, chứng tỏ anh B1 không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân của chị B, anh B1 mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Lê Viết B1.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Lê Viết B1 có 01 con chung tên là Lê Viết Bảo T, sinh ngày 08/12/2012, hiện cháu T đang ở với chị B. Chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh B1 cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của cháu T muốn ở với chị B. Hội đồng xét xử thấy: Để đảm bảo cuộc sống ổn định về tinh thần và vật chất cho cháu T phát triển một cách B1 thường, nên cần tiếp tục giao cháu T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi thành niên. Hiện nay, chị B đang làm nghề buôn bán tại gia đình, 01 tháng thu nhập từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, đủ khả năng kinh tế để nuôi dưỡng cháu T nên không yêu cầu anh B1 cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Viết Bảo T đến tuổi thành niên.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị Nguyễn Thị B và anh Lê Viết B1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Lê Viết B1.

3. Về con chung: Giao cháu Lê Viết Bảo T, sinh ngày 08/12/2012 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi), anh Lê Viết B1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị Nguyễn Thị B và anh Lê Viết B1 không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị Nguyễn Thị B đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001058 ngày 01/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sư, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi Cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND phường TD, thị xã Hương Thủy, đăng ký kết hôn số 84/2011, quyển số 01/2011, ngày 24/10/2011;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Quý Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lê Thị Quý Vân